

Số: 1779/TB-THADSKV2

Cần Thơ, ngày 07 tháng 04 năm 2026

## THÔNG BÁO

### KẾT QUẢ LỰA CHỌN TỔ CHỨC HÀNH NGHỀ ĐẤU GIÁ TÀI SẢN

Căn cứ Bản án dân sự phúc thẩm số 310/2024/DSPT ngày 22 tháng 07 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 119/QĐ-SCBSBA ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Bản án dân sự sơ thẩm số 125/2022/DSST ngày 26 tháng 12 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 109/QĐ-SCBSBA ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định số 48/2019/QĐST-DS ngày 17 tháng 09 năm 2019 của Tòa án nhân dân quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 83/QĐ-CCTHADS ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 105/QĐ-CCTHADS ngày 15 tháng 10 năm 2024 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định thi hành án số 230/QĐ-CCTHADS ngày 01 tháng 12 năm 2022 của Chi cục trưởng Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ Quyết định cưỡng chế thi hành án số:30/QĐ-CCTHADS ngày 11 tháng 03 năm 2025 của Chấp hành viên Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ;

Căn cứ kết quả đánh giá, chấm điểm tổ chức bán đấu giá tài sản.

Chấp hành viên Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ lựa chọn: Công ty đấu giá hợp danh Dũng Trung Nam, địa chỉ: Số 98 Trần Nguyên Đán, phường Long Xuyên, tỉnh An Giang (địa chỉ chi nhánh Cần Thơ tại: Số A16, đường D1, Khu Đô thị Hai bên đường Nguyễn Văn Cừ, phường An Bình, thành phố Cần Thơ). Tổng số điểm: **99 điểm**.

Để ký hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản các tài sản đã kê biên như sau:

#### 1. Tài sản gồm:

##### \* Quyền sử dụng đất, gồm:

- Thửa đất số 284, tờ bản đồ số 15, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AD352418, số vào sổ cấp GCN: H01495/LH ngày 05/12/2005 đứng tên Nguyễn Văn Ân. Tọa lạc tại: Khu vực Bình Nhựt, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (nay là Khu vực Bình Nhựt, phường Tuyên, thành phố Cần Thơ). Diện tích thẩm định giá: 1.038.3 m<sup>2</sup> loại đất cây lâu năm. Giá thẩm định là 17.172.670.200 đồng (Mười bảy tỷ, một trăm bảy mươi hai triệu, sáu trăm bảy mươi nghìn hai trăm đồng).



- Thừa đất số 2136, tờ bản đồ số 15, thuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BM109389, số vào sổ cấp GCN: CH05925 cấp ngày 05/10/2012 đứng tên Nguyễn Văn Ân. Tọa lạc tại: Khu vực Bình Nhựt, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ (nay là Khu vực Bình Nhựt, phường Tuyền, thành phố Cần Thơ). Diện tích thẩm định giá: 139.9 m<sup>2</sup>. Trong đó có 80.3 m<sup>2</sup> đất cây lâu năm (bao gồm 28.1 m<sup>2</sup> trong lộ giới), còn lại là đất LUK. Giá thẩm định là 1.851.054.323 đồng (Một tỷ tám trăm năm mươi một triệu không trăm năm mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi ba đồng).

**\* Tài sản trên đất, gồm:**

- Nhà trệt bán kiên cố cấp 4, kết cấu: khung cột bằng sắt, vách tường 10cm + khung sắt, nền gạch men, trần thạch cao, mái lole, cửa chính bằng cửa cuốn mô tơ điện, diện tích xây dựng: 89,8 m<sup>2</sup>; diện tích làm đường đi 6,2 m<sup>2</sup>.

- Sân trước: Kết cấu nền đầm đá + xi măng, lát gạch vỉa hè. Diện tích: 87,75 m<sup>2</sup>.

- Nhà chính: Kết cấu khung BTCT, vách tường 20 cm, nền gạch men, trần thạch cao, mái ngói, cửa đi chính bằng kính cường lực, cửa phòng bằng gỗ. Diện tích xây dựng: 229,1 m<sup>2</sup>.

- Hàng rào: Khung BTCT, cây tường + khung sắt (khung sắt bị tháo rời), cổng rào cao 3 m bằng sắt. Diện tích: 168,15 m<sup>2</sup>.

- Nhà trọ: Kết cấu khung cột sắt, vách tường 10cm, nền gạch men, không trần, mái tole, vì kèo gỗ, cửa chính bằng cửa kéo. Bố trí có 02 phòng trọ có toilet riêng. Diện tích xây dựng: 38,5 m<sup>2</sup>.

- Nhà cấp 4 số 01: Kết cấu khung BTCT, vách xây tường 10 cm, nền gạch men, trần thạch cao, mái ngói, cửa đi chính bằng sắt khung kính. Diện tích: 66,5 m<sup>2</sup>.

- Nhà cấp 4 số 02: Kết cấu 01 trệt, gác lững khung sắt, khu BTCT, vách xây tường 10 cm, nền gạch men, trần thạch cao, mái ngói, cửa đi chính bằng sắt khung kính, cầu thang bằng sắt. Diện tích: 66,3 m<sup>2</sup>.

+ Diện tích tầng trệt: 66,3 m<sup>2</sup>

+ Diện tích sàn tầng gác: 36,5 m<sup>2</sup>

Tổng diện tích sàn: 102,8 m<sup>2</sup>.

- Nhà trọ số 02: Nhà 01 trệt 01 gác lững khung sắt tấm xi măng, kết cấu khung BTCT, vách xây tường 10, nền gạch men, trần tấm thạch cao, mái lole, cửa đi chính bằng sắt. Gồm 09 phòng trọ có gác lững và toilet riêng.

**Giá khởi điểm: 21.455.832.000 đồng** (Hai mươi một tỷ, bốn trăm năm mươi lăm triệu, tám trăm ba mươi hai nghìn đồng).

**2. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản không được đánh giá, chấm điểm kèm theo lý do (nếu có):**

**3. Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản bị từ chối xem xét, đánh giá hồ sơ kèm theo lý do từ chối (nếu có):**

**KẾT QUẢ CHẤM ĐIỂM** (bao gồm cả tổ chức hành nghề đấu giá tài sản được lựa chọn)

STT	NỘI DUNG	MỨC TỐI ĐA	CÔNG TY ĐẤU GIÁ HỢP DANH DỮNG TRUNG NAM
<b>I</b>	<b>Có tên trong danh sách các tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố</b>		
1.	Có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Đủ điều kiện	Đủ điều kiện
2.	Không có tên trong danh sách tổ chức hành nghề đấu giá tài sản do Bộ Tư pháp công bố	Không đủ điều kiện	
<b>II</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá đối với loại tài sản đấu giá</b>	<b>19,0</b>	<b>19,0</b>
1.	<i>Cơ sở vật chất bảo đảm cho việc đấu giá</i>	<i>10,0</i>	<i>10,0</i>
1.1	Có địa chỉ trụ sở ổn định, rõ ràng (số điện thoại, địa chỉ thư điện tử...), trụ sở có đủ diện tích làm việc	5,0	5,0
1.2	Địa điểm bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, thuận tiện	5,0	5,0
2.	<b>Trang thiết bị cần thiết bảo đảm cho việc đấu giá</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>
2.1	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại trụ sở tổ chức hành nghề đấu giá khi bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	2,0	2,0
2.2	Có hệ thống camera giám sát hoặc thiết bị ghi hình tại nơi tổ chức phiên đấu giá (có thể được trích xuất, lưu theo hồ sơ đấu giá)	3,0	3,0
3.	<b>Có trang thông tin điện tử của tổ chức hành nghề đấu giá đang hoạt động ổn định, được cập nhật thường xuyên</b> <b>Đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì dùng Trang thông tin điện tử độc lập hoặc Trang thông tin thuộc Cổng thông tin điện tử của Sở Tư pháp</b>	<b>2,0</b>	<b>2,0</b>

4.	<i>Có trang thông tin đấu giá trực tuyến được phê duyệt hoặc trong năm trước liền kề đã thực hiện ít nhất 01 cuộc đấu giá bằng hình thức trực tuyến</i>	1,0	1,0
5.	<i>Có nơi lưu trữ hồ sơ đấu giá</i>	1,0	1,0
<b>III</b>	<b>Phương án đấu giá khả thi, hiệu quả (Thuyết minh đầy đủ các nội dung trong phương án)</b>	<b>16,0</b>	<b>16,0</b>
1.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được hình thức đấu giá, bước giá, số vòng đấu giá có tính khả thi và hiệu quả cao</i>	4,0	4,0
1.1	<i>Hình thức đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0	2,0
1.2	<i>Bước giá, số vòng đấu giá khả thi, hiệu quả</i>	2,0	2,0
2.	<i>Phương án đấu giá đề xuất việc bán, tiếp nhận hồ sơ tham gia đấu giá công khai, khả thi, thuận tiện (địa điểm, phương thức bán, tiếp nhận hồ sơ)</i>	4,0	4,0
3.	<i>Phương án đấu giá đề xuất được đối tượng và điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với tài sản đấu giá</i>	4,0	4,0
3.1	<i>Đối tượng theo đúng quy định của pháp luật</i>	2,0	2,0
3.2	<i>Điều kiện tham gia đấu giá phù hợp với quy định pháp luật áp dụng đối với tài sản đấu giá</i>	2,0	2,0
4.	<i>Phương án đấu giá đề xuất giải pháp giám sát việc tổ chức đấu giá hiệu quả; chống thông đồng, đim giá, bảo đảm an toàn, an ninh trật tự của phiên đấu giá</i>	4,0	4,0
<b>IV</b>	<b>Năng lực, kinh nghiệm và uy tín của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b>	<b>57,0</b>	<b>56,0</b>
1.	<i>Tổng số cuộc đấu giá đã tổ chức trong năm trước liền kề (bao gồm cả cuộc đấu giá thành và cuộc đấu giá không thành). Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí</i>	15,0	15,0
1.1	<i>Dưới 20 cuộc đấu giá</i>	12,0	
1.2	<i>Từ 20 cuộc đấu giá đến dưới 40 cuộc đấu giá</i>	13,0	
1.3	<i>Từ 40 cuộc đấu giá đến dưới 70 cuộc đấu giá</i>	14,0	

1.4	<i>Từ 70 cuộc đấu giá trở lên</i>	15,0	15,0
2.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề</b> (Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí)	7,0	7,0
2.1	<i>Dưới 10 cuộc đấu giá thành (bao gồm trường hợp không có cuộc đấu giá thành nào)</i>	4,0	
2.2	<i>Từ 10 cuộc đấu giá thành đến dưới 30 cuộc đấu giá thành</i>	5,0	
2.3	<i>Từ 30 cuộc đấu giá thành đến dưới 50 cuộc đấu giá thành</i>	6,0	
2.4	<i>Từ 50 cuộc đấu giá thành trở lên</i>	7,0	7,0
3.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành có chênh lệch giữa giá trúng so với giá khởi điểm trong năm trước liền kề</b> (Người có tài sản không yêu cầu nộp hoặc cung cấp bản chính hoặc bản sao hợp đồng, quy chế cuộc đấu giá và các tài liệu có liên quan) Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7,0	7,0
3.1	<i>Dưới 10 cuộc (bao gồm cả trường hợp không có chênh lệch)</i>	4,0	
3.2	<i>Từ 10 cuộc đến dưới 30 cuộc</i>	5,0	
3.3	<i>Từ 30 cuộc đến dưới 50 cuộc</i>	6,0	
3.4	<i>Từ 50 cuộc trở lên</i>	7,0	7,0
4.	<b>Tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên</b> (Người có tài sản đấu giá không yêu cầu nộp bản chính hoặc bản sao hợp đồng)	3,0	3,0
4.1	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (A) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên nhiều nhất (Y cuộc) thì được tối đa 3 điểm</i>	3,0	3,0
4.2	<i>Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (B) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề (U cuộc) thì số điểm được tính theo công thức: Số điểm của B = <math>(U \times 3)/Y</math></i>		

4.3	Tổ chức hành nghề đấu giá tài sản (C) có tổng số cuộc đấu giá thành trong năm trước liền kề có mức chênh lệch từ 10% trở lên thấp hơn liền kề tiếp theo (V cuộc) thì số điểm được tính tương tự theo công thức nêu trên: Số điểm của $C = (V \times 3)/Y$		
5.	<b>Thời gian hoạt động trong lĩnh vực đấu giá tài sản tính từ thời điểm có Quyết định thành lập hoặc được cấp Giấy đăng ký hoạt động (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đối với doanh nghiệp đấu giá tài sản được thành lập trước ngày Luật Đấu giá tài sản có hiệu lực)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	7,0	6,0
5.1	Có thời gian hoạt động dưới 05 năm	4,0	
5.2	Có thời gian hoạt động từ 05 năm đến dưới 10 năm	5,0	
5.3	Có thời gian hoạt động từ 10 năm đến dưới 15 năm	6,0	6,0
5.4	Có thời gian hoạt động từ 15 năm trở lên	7,0	
6.	<b>Số lượng đấu giá viên của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	4,0	4,0
6.1	01 đấu giá viên	2,0	
6.2	Từ 02 đến dưới 05 đấu giá viên	3,0	
6.3	Từ 05 đấu giá viên trở lên	4,0	4,0
7.	<b>Kinh nghiệm hành nghề của đấu giá viên là Giám đốc Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản, Tổng giám đốc hoặc Giám đốc của Công ty đấu giá hợp danh, Giám đốc doanh nghiệp tư nhân (Tính từ thời điểm được cấp Thẻ đấu giá viên theo Nghị định số <u>05/2005/NĐ-CP</u> ngày 18/01/2005 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc đăng ký danh sách đấu giá viên tại Sở Tư pháp theo Nghị định số <u>17/2010/NĐ-CP</u> ngày 04/3/2010 của Chính phủ về bán đấu giá tài sản hoặc Thẻ đấu giá viên theo Luật Đấu giá tài sản hoặc thông tin về danh sách đấu giá viên trong Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản</b>	4,0	4,0

	<i>theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản)</i> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí		
7.1	Dưới 05 năm	2,0	
7.2	Từ 05 năm đến dưới 10 năm	3,0	
7.3	Từ 10 năm trở lên	4,0	4,0
<b>8.</b>	<b>Kinh nghiệm của đấu giá viên hành nghề</b>	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>
8.1	Không có đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	3,0	
8.2	Có từ 1 đến 3 đấu giá viên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	4,0	
8.3	Có từ 4 đấu giá viên trở lên có thời gian hành nghề từ 05 năm trở lên	5,0	5,0
<b>9.</b>	<b>Số thuế thu nhập doanh nghiệp hoặc khoản tiền nộp vào ngân sách Nhà nước trong năm trước liền kề, trừ thuế giá trị gia tăng (Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo Tờ khai quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp trong báo cáo tài chính và số thuế thực nộp được cơ quan thuế xác nhận bằng chứng từ điện tử; đối với Trung tâm dịch vụ đấu giá tài sản thì có văn bản về việc thực hiện nghĩa vụ thuế với ngân sách Nhà nước)</b> Chỉ chọn chấm điểm một trong các tiêu chí	<b>5,0</b>	<b>5,0</b>
9.1	Dưới 50 triệu đồng	3,0	
9.2	Từ 50 triệu đồng đến dưới 100 triệu đồng	4,0	
9.3	Từ 100 triệu đồng trở lên	5,0	5,0
<b>V</b>	<b>Tiêu chí khác phù hợp với tài sản đấu giá do người có tài sản đấu giá quyết định (Người có tài sản có thể chọn hoặc không chọn tiêu chí tại mục này để đánh giá chấm điểm. Trường hợp chọn tiêu chí tại mục này thì người có tài sản chọn một hoặc nhiều tiêu chí sau đây nhưng số điểm không được vượt quá mức tối đa của từng tiêu chí và tổng số điểm không được vượt quá mức tối đa của mục này)</b>	<b>8,0</b>	<b>8,0</b>

1.	<p>Đã tổ chức đấu giá thành tài sản cùng loại với tài sản đưa ra đấu giá</p> <p>- Tài sản cùng loại được phân theo các điểm quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật Đấu giá tài sản được sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Đấu giá tài sản</p> <p>- Người có tài sản đấu giá phải công khai các tiêu chí thành phần kèm theo số điểm đối với tiêu chí này (nếu có)</p>	3,0	3,0
2.	<p>Đã từng ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với người có tài sản đấu giá và đã tổ chức cuộc đấu giá thành theo hợp đồng đó</p>	3,0	3,0
3.	<p>Trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá tài sản trong phạm vi tỉnh, thành phố nơi có tài sản đấu giá (trường hợp có nhiều tài sản đấu giá ở nhiều tỉnh, thành phố khác nhau thì chỉ cần trụ sở chính của tổ chức hành nghề đấu giá ở một trong số tỉnh, thành phố đó), không bao gồm trụ sở chi nhánh.</p>	4,0	
4.	<p>Tiêu chí khác (trừ tiêu chí giá dịch vụ đấu giá, chi phí đấu giá tài sản và các tiêu chí đã quy định tại phụ lục này)</p>	3,0	2,0
<b>Tổng số điểm</b>		<b>100</b>	<b>99</b>

**Nơi nhận:**

- Trang thông tin điện tử THADS TPCT;
- Cổng thông tin điện tử quốc gia về ĐGTS;
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2;
- Lưu: VT, HSTHA.



**CHẤP HÀNH VIÊN**

**Phạm Văn Te**